

Kể từ thập niên 60, khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (bao gồm Nhật Bản, bốn nước "con rồng", các nước ASEAN và Trung Quốc) có tốc độ tăng trưởng về kinh tế nhanh hơn gấp hai lần so với các nước Âu Mỹ. vị trí và vai trò của nó trong nền kinh tế thế giới đã có những biến đổi căn bản. Hiện tại đây vẫn tiếp tục là khu vực có sức sống nhất và tăng trưởng nhanh nhất trong nền kinh tế thế giới, đang ngày càng được cả thế giới quan tâm chú ý và coi trọng. Trong thập niên 90, kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương sẽ tiếp tục giữ vững ba xu thế phát triển lớn đã xuất hiện trong vòng 10 năm qua (1) và dự tính đến cuối thế kỷ này, trọng tâm của nền kinh tế thế giới sẽ lệch thêm bước nữa về phía khu vực này. Sở dĩ được như thế vì nửa sau những năm 80, các nước Châu Á-Thái Bình Dương đã tập trung đầy đủ các động năng kiến thức, kinh nghiệm về kỹ thuật, sản xuất, bí quyết quản lý và khả năng tiếp thị mạnh, ngoài tiềm lực kinh tế vốn dĩ mạnh và sự ổn định khá tốt về chính trị.

Theo ông Gautam Kaji, Phó Giám đốc Ngân hàng Thế giới phụ trách khu vực Châu Á-Thái Bình Dương thì năm 1992 là năm hoạt động kinh tế xuất sắc nhất của các nước vùng này từ hơn một thế kỷ qua mức tăng trưởng kinh tế trung bình là 7%.

Trong thập niên 90, một trong những xu thế phát triển quan trọng của khu vực Châu Á-Thái Bình Dương là sự hình thành một cơ chế hợp tác mới, tìm kiếm con đường cho sự hòa hoãn những mâu thuẫn Bắc-Nam.

1. HỆ THỐNG PHÂN CÔNG QUỐC TẾ TRUYỀN THỐNG CÓ NHỮNG BIẾN ĐỔI QUAN TRỌNG

Trong các thập niên 60, 70, trong quá trình hợp tác và phát triển kinh tế của Mỹ, Nhật và bốn "con rồng" đã hình

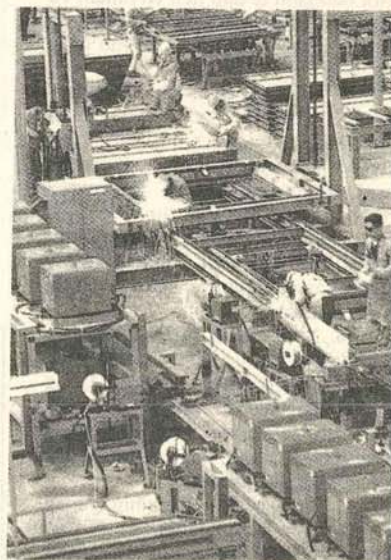
thành căn bản cung ứng thiết bị cơ giới, các sản phẩm trung gian và đồ phụ tùng của Nhật Bản, các khu chế xuất của bốn "con rồng" Châu Á, và thị trường các sản phẩm chế tạo của Mỹ, một kiểu hệ thống phân công quốc tế tuần hoàn và đơn hướng.

Hệ thống này đã phát huy tác dụng thúc đẩy to lớn đối với sự phát triển kinh tế và phồn vinh của khu vực. Trong hệ thống phân công quốc tế này, nước Mỹ luôn là nước xuất khẩu lớn nhất các thành phẩm chế tạo tới những nước và vùng công nghiệp mới của Châu Á và đó

chính sách thâm hụt lớn về ngân sách nước Mỹ đã xuất hiện những nhu cầu qu to lớn vượt quá sức cung ứng, nó làm cho cơ năng của "kẻ thu hút nhu cầu" càng thêm mạnh và điều đó có lợi hơn cả cho bốn nước "con rồng". Chẳng hạn như tỉ lệ xuất khẩu của Nam Triều Tiên đối với Mỹ, từ 26,3% năm 1980 tăng mạnh lên đến 40% năm 1986, về sau tỉ lệ này tuy có hạ xuống chút ít nhưng đến năm 1988 vẫn còn cao tới 35,3%. Trong khoảng 1980-1988, mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế bằng việc xuất khẩu của Nam Triều Tiên sang Mỹ đạt tới 42%

Cơ chế hợp tác mới của khu vực CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

XUÂN HUY



là điều kiện quốc tế chủ yếu nhất giúp cho chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu của bốn "con rồng" đạt được những thành tựu đáng kể. Trong thập niên 80, chính quyền Reagan thực hiện

Nếu nói nước Mỹ đã lôi kéo bốn nước "con rồng" thực hiện chiến lược kinh tế theo mô hình hướng về xuất khẩu thì phương diện nhu cầu, thì Nhật Bản lại là nước đã phát huy vai trò hỗ trợ từ phương diện cung ứng xuất đối với những nước này. Nhật Bản trước sau vẫn là nhà cung ứng lớn nhất các tư liệu sản xuất mà bốn nước "con rồng" cần dùng. Mặc dù Nam Triều Tiên sau kế hoạch phát triển kinh tế lần thứ tư (khởi đầu từ năm 1977) ra sức phát triển công nghiệp nặng, thực hiện thay thế nhập khẩu ở các ngành cơ khí, luyện kim và hóa chất, nhưng các ngành này vẫn còn lệ thuộc khá nhiều vào xuất khẩu của Nhật (năm 1978, phải dựa vào Nhật về máy móc 58,7%, sắt thép 64,4%, hóa chất 37,9%). Bốn nước "rồng" với cơ sở công nghiệp yếu kém năng lực tự cấp về tư liệu sản xuất tương đối thấp, chính nhờ tư liệu sản xuất và đầu tư của Nhật cung ứng mà trong một thời gian tương đối ngắn đã tạo nên một năng lực xuất khẩu mạnh mẽ, từ đó thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu.

Nhưng từ giữa thập niên 80, vấn đề mất cân đối về kinh tế giữa Mỹ, Nhật và bốn nước "con rồng" trở nên ngày càng sâu sắc; một mặt, Mỹ vẫn tồn tại nghịc



NHỮNG QUI LUẬT KINH TẾ VÀ LỊCH SỬ

(Nguyên tác: *Les Lois Économiques, et l'Histoire* của Charles P. Kindleberger, NXB. Economica, 1992)

Tác giả là một giáo sư nổi tiếng người Mỹ, ông đã xác định cách tiếp cận của ông gọn trong một câu:

"Tôi là một nhà kinh tế sử dụng lịch sử chứ không phải một sử gia về kinh tế. Tôi muốn nói rằng tôi quan tâm tới việc dùng lịch sử để thử nghiệm tính hiệu lực và tính phổ quát của các qui luật và mô hình kinh tế". Rồi ông thảo luận trong tác phẩm về luật Engel, luật Gresham, luật về giá duy nhất (prix unique) và những luật khác nữa. Charles P. Kindleberger ca ngợi sự khiêm tốn. Bởi vì không có mô hình duy nhất nào cho phép giải thích tất cả và hiểu tất cả. Ông ta chỉ bác bỏ những lý thuyết chỉ có vẻ duyên dáng thanh lịch nhưng không liên quan gì đến tập tính (le comportement) của con người.

MM

sai mậu dịch lớn đối với Nhật (tức nhập siêu, nhập cao hơn xuất), năm 1986 là 51,4 tỉ đô-la, chiếm 37% trên tổng số nghịch sai mậu dịch của nước Mỹ; mặt khác, bốn nước "con rồng" đối với Mỹ vẫn tồn tại thuận sai mậu dịch lớn, như năm 1988, nghịch sai mậu dịch của Mỹ đối với Nam Triều Tiên là 8,65 tỉ đô-la, mà bốn nước "con rồng" đối với Nhật lại có số nghịch sai lớn, như năm 1988, nghịch sai mậu dịch của Nam Triều Tiên đối với Nhật là 3,92 tỉ đô-la. Như vậy tiền của Mỹ đã thông qua bốn nước "con rồng" mà chảy vào Nhật Bản, làm cho thâm hụt của Mỹ và thuận sai mậu dịch (tức xuất siêu, xuất cao hơn nhập) của Nhật càng tăng cao hơn nữa. Đồng thời, thâm hụt ngân sách của Mỹ mỗi năm một tăng cao, nên hết tìm cách để ép Nhật rồi Mỹ lại trở mũi dùi sang bốn nước "con rồng", dẫn đến tình trạng mâu thuẫn kinh tế sâu sắc và làm cho quá trình tuần hoàn đơn hướng vốn có trước đây bị bế tắc. Từ đó về sau, bốn nước "con rồng" không thể dựa vào việc xuất khẩu cho Mỹ để duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh, còn Nhật Bản cũng không thể không mở rộng nhập khẩu từ bốn nước "con rồng".

2. CƠ CHẾ MỚI TUẦN HOÀN SONG HƯỚNG BẮT ĐẦU HÌNH THIỆN II

Các nước Châu Á-Thái Bình Dương trong quá trình điều chỉnh nền kinh tế đã khiến cho mô thức phân công quốc tế từng bước phát triển từ kiểu thẳng góc (thủy trực - perpendiculairement) sang kiểu nước ngược nhau.

Trước tiên, Nhật Bản không chỉ là nước cung ứng vốn liếng, kỹ thuật và hàng hóa mà còn là một thứ "đồ hút" các mặt hàng công nghiệp. Năm 1988, mức xuất khẩu kỹ thuật của Nhật tăng mạnh tới 1,7 tỉ đô-la, tăng 25% so với năm trước; dự tính đến đầu thế kỷ 21 con số này sẽ lên tới 15 tỉ. Đầu năm 1990, qui mô tín dụng (cho vay) của Nhật bình quân mỗi năm tương đương 10 tỉ đô-la, trong đó phần của Châu Á là 4,5 tỉ. Trong những năm 1985-1988, tổng ngạch nhập khẩu của Nhật mỗi năm tăng bình quân 13,1%, trong đó nhập khẩu từ bốn nước "con rồng" Châu Á bình quân hàng năm tăng 36,2%; tuy nhiên tại qui mô thị trường tăng thêm thì Nhật phải hơn Mỹ. Chẳng hạn năm 1988 so với một năm trước đó, qui mô thị trường nhập khẩu tăng thêm của Mỹ cho thế giới là 35.153 tỉ đô-la, trong khi của Nhật tới 46.839 tỉ, lớn hơn Mỹ 33,2%. Sự mở rộng nhanh chóng các thị trường vốn, kỹ thuật và nhập khẩu của Nhật thật hết sức phù hợp với tình trạng thăng cấp trong kết cấu ngành nghề và nhu cầu cấp thiết về điều chỉnh thị trường xuất khẩu của những nước đang phát triển trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Kể đến, cùng lúc với việc phát huy



một bước vai trò của việc "tăng cường nền tảng", bốn nước "con rồng" còn chuyển dịch một phần vốn và kỹ thuật sang các nước ASEAN và Trung Quốc, đồng thời cung ứng một thị trường xuất khẩu nhất định. Ngoài ra vào tháng 6.1987 Nam Triều Tiên đã thiết lập Quỹ phát triển hợp tác kinh tế (trợ Ngăn hàng xuất nhập khẩu) để cung ứng vốn cần thiết về xây dựng cơ bản cho các nước đang phát triển, làm cho qui mô hợp tác vốn cung ứng sang Trung Quốc và các nước ASEAN sẽ tăng lên nhanh chóng. Đồng thời, mấy năm gần đây, bốn nước "con rồng" lại lấy các tư liệu sản xuất và sản phẩm trung gian làm trung tâm, đã tăng cường xuất khẩu sang các nước ASEAN và Trung Quốc. Về phương diện thị trường cung ứng, cách làm của bốn "con rồng" cũng khá rõ ràng. Do nhanh chóng mở rộng nhập khẩu, trong hai năm 1987 và 1988, mức nhập khẩu của bốn "con rồng" đã chiếm tỉ trọng 6,4% năm 1987 và 7% năm 1988 so với tổng số nhập khẩu của thế giới, còn lớn hơn cả Nhật Bản (6,2 và 6,6%). Năm 1988 mức đóng góp vào việc tăng gia xuất khẩu cho các nước Châu Á-Thái Bình Dương của bốn "con rồng" là cao nhất (18,2%); kế đó là Nhật Bản (15,1%); rồi tới ASEAN (12,9%) và Mỹ (5,7%). Cùng năm đó, mức đóng góp vào việc tăng gia xuất khẩu cho các nước ASEAN cao nhất cũng là của bốn "con rồng", đạt 34,4% (Nhật 22,1%, Mỹ 9,2%).

Ngoài ra, các nước ASEAN và Trung Quốc một mặt thu hút một lượng lớn sản phẩm, nhưng mặt khác cũng cung ứng một lượng lớn sản phẩm xuất khẩu cấp tương đối thấp.

Song song với việc du nhập kỹ thuật và vốn đầu tư từ Nhật Bản và bốn nước con rồng, cơ sở công nghiệp của các nước

ASEAN đã lớn lên nhanh chóng, tỉ suất công nghiệp hóa (tỉ trọng của nghề chế tạo trong tổng sản phẩm quốc dân) từ 18-25% giữa thập niên 80, đến năm 1989 Malaysia đã tăng lên đến 25%, Thái Lan 26%, Indonesia 19%, từ đó đã nâng cao năng lực xuất khẩu, đồng thời cũng nâng cao kết cấu sản phẩm xuất khẩu. Trong các năm 1985-1988, ASEAN đã xuất khẩu tăng thêm rõ rệt sang Nhật Bản, bốn nước "con rồng" và Trung Quốc. Trong đó, năm 1988, Malaysia xuất khẩu sang bốn nước "con rồng" còn nhiều hơn sang Nhật; Thái Lan xuất khẩu sang các nước "rồng" bằng với mức xuất khẩu sang Nhật. Cùng lúc đó, từ năm 1986 trở về sau, tỉ lệ xuất khẩu của ASEAN sang Mỹ cũng tăng lên phổ biến, trong chừng mực nào đó đã thay thế cho xuất khẩu của Nhật và bốn nước "con rồng" đối với Mỹ trước đây.

Riêng Trung Quốc trong quá trình mở cửa đối ngoại đã ra sức tăng cường quan hệ buôn bán với các nước Châu Á-Thái Bình Dương. Năm 1989, tổng ngạch ngoại thương của Trung Quốc lên tới 111,6 tỉ đô-la, trong đó mức giao dịch ngoại thương với các nước Châu Á-Thái Bình Dương chiếm 65% tổng mức nhập khẩu và 74% tổng mức xuất khẩu. Trong các năm 1986-1989, Trung Quốc đã sử dụng tới 50 tỉ đô-la vốn đầu tư nước ngoài mà 69% đến từ khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, trong đó đầu tư trực tiếp chiếm 92%.

Tóm lại, mô thức phân công quốc tế của khu vực Châu Á-Thái Bình Dương trong thập niên 80 đã xuất hiện những biến đổi quan trọng. Mô thức mới này cùng với cơ chế mới tuần hoàn song hướng sẽ làm cho sự hợp tác và cạnh tranh trong khu vực đồng thời phát triển, từ đó thúc đẩy xuất hiện các tình huống mới trong hợp tác kinh tế ở những qui mô khác nhau.

XH

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- Từ Dạm và Quách Truyền Linh, "90 niên đại Á-Thái kinh tế đích phát triển xu thế, địa vị hòa tác dụng", Tập chí *Hiện đại quốc tế quan hệ*, Trung Quốc Hiện đại Quốc tế quan hệ Nghiên cứu sở, 2.1991.

- Phong Vũ, "Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương, chuyển tàu đầu của thế giới", *Báo Lao Động*, 5-6-7.1993.

CHÚ THÍCH

(1) Bài này chỉ trình bày xu thế lớn thứ ba; hai xu thế còn lại theo Từ Dạm và Quách Truyền Linh (bài dẫn trong phần tài liệu tham khảo) là: (a) Khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã hình thành 3 loại mô thức phát triển kinh tế; (b) Thực hiện điều chỉnh và tăng cường sức mạnh của nền kinh tế, tiếp tục dẫn đầu trong tăng trưởng kinh tế thế giới.